

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: L. Văn

Ký tên: LM

Giám thị 2: N. Thị

Ký tên: NT

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Thư	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130247	Phạm Thị Anh	Thư	02/10/1994	<u>Phạm</u>		4		C14KT3	Nợ HP 3
2	1210110101	Đỗ Thị Kiều	Tiên	11/07/1993	<u>Đỗ</u>		8		C14TA1	✓
3	1410130023	Huỳnh Hồng Thủy	Tiên	11/04/1996	<u>Huỳnh</u>		8		C16TA	
4	1410130044	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/10/1996	<u>Nguyễn</u>				C16TA	Nợ HP ✓
5	1410130030	Phan Thị Cẩm	Tiên	19/9/1996	<u>Phan</u>		8		C16TA	
6	1310130005	Lê Hồ Minh	Tiến	06/12/1992	<u>Lê</u>		6		C15TA1	
7	1410030013	Trần Văn	Tiến	23/08/1996	<u>Trần</u>		6		C16DDT	
8	1310060011	Lê Hiếu	Toàn	11/10/1994	<u>Lê</u>		5		C15XD	Nợ HP 5
9	1410130001	Nguyễn Phúc Đoan	Trang	14/11/1996	<u>Nguyễn</u>		4		C16TA	
10	1210090357	Trương Thị Thùy	Trang	27/06/1994	<u>Trương</u>		4		C14QT3	
11	1410130009	Nguyễn Thị Tú	Trâm	10/08/1996	<u>Nguyễn</u>				C16TA	Nợ HP ✓
12	1210090516	Phùng Thị Ngọc	Trâm	20/07/1992	<u>Phùng</u>		7		C14QT5	
13	1310100137	Nguyễn Thị Bảo	Trân	10/12/1994	<u>Nguyễn</u>		4		C15QT2	
14	1210140328	Phan Nguyễn Khánh	Trân	25/08/1994	<u>Phan</u>				C14TC3	Nợ HP ✓
15	1310100131	Lương Thị Ngọc	Trình	20/02/1995	<u>Lương</u>		7		C15QT2	
16	1310100118	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	25/05/1995	<u>Nguyễn</u>		6		C15QT1	Nợ HP 7
17	1210130297	Võ Thị Yến	Trình	03/08/1994	<u>Võ</u>		4		C14KT3	Nợ HP 1
18	1410030016	Nguyễn Đức	Trung	20/12/1995	<u>Nguyễn</u>		4		C16DDT	
19	1410130040	Nguyễn Diễm	Trúc	15/08/1996	<u>Nguyễn</u>		6		C16TA	
20	1410040009	Đỗ Văn	Tuấn	28/02/1995	<u>Đỗ</u>		6		C16CK	
21	1410030007	Thái Minh	Tuấn	01/08/1994	<u>Thái</u>		7		C16DDT	
22	1410130015	Dương Thị Thanh	Tuyền	12/01/1995	<u>Dương</u>		5		C16TA	
23	1310100149	Nguyễn Mộng	Tuyền	06/08/1995	<u>Nguyễn</u>		9		C15QT2	
24	1310100260	Trần Thị Phương	Tuyền	30/12/1995	<u>Trần</u>		7		C15QT2	
25	1310130100	Dương Thị Kim	Tuyền	17/05/1995	<u>Dương</u>		6		C15TA1	
26	1410130020	Phạm Huỳnh Ngân	Tú	17/10/1996	<u>Phạm</u>		7		C16TA	
27	1410130002	Võ Thị Cẩm	Tú	21/04/1996	<u>Võ</u>		5		C16TA	
28	1410130011	Nguyễn Hồng Bích	Vân	13/02/1995	<u>Nguyễn</u>		6		C16TA	
29	1310100048	Nguyễn Thị Quốc	Vương	02/12/1995	<u>Nguyễn</u>		4		C15QT1	
30	1410130043	Nguyễn Thị Tường	Vy	29/07/1996	<u>Nguyễn</u>		6		C16TA	
31	1410130042	Nguyễn Bình	Yên	07/02/1996	<u>Nguyễn</u>		7		C16TA	

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1310100036	Vũ Hoàng Ngọc Yên	22/2/1995	<i>Yên</i>		5		C15QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học
phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Q. Minh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: V. Phương Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: [Signature] Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: [Signature] Ký tên: [Signature]

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310090004	Huỳnh Gia Phúc	12/06/1993	<u>[Signature]</u>		6		C15CN	
2	1410040011	Nguyễn Văn Phúc	16/04/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16CK	
3	1410130050	Đoàn Thị Phụng	03/01/1995	<u>[Signature]</u>				C16TA	Nợ HP
4	1410130019	Lê Văn Phương	15/12/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16TA	
5	1310060001	Nguyễn Văn Phương	28/06/1995					C15XD	
6	1310100037	Trần Nguyễn Minh Phương	22/5/1995	<u>[Signature]</u>		7		C15QT1	
7	1410130041	Ngô Thị Huệ	27/10/1993	<u>[Signature]</u>		5		C16TA	
8	1310100068	Nguyễn Thành Phước	20/06/1995	<u>[Signature]</u>		6		C15QT2	
9	1310100044	Nguyễn Thị Kim Phương	26/04/1995	<u>[Signature]</u>		9		C15QT1	
10	1410010003	Cao Phương Quang	15/12/1995	<u>[Signature]</u>		7		C16TH	
11	1410040001	Nguyễn Thế Quang	03/02/1996	<u>[Signature]</u>		-		C16CK	Nợ HP
12	1210130198	Trần Ngọc Quang	21/12/1992	<u>[Signature]</u>		5		C14KT2	
13	1210090364	Bùi Hoàng Minh Quân	02/02/1993					C14QT4	
14	1410130013	Lương Ngọc Quyên	12/11/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16TA	
15	1310100017	Trương Văn Quý	26/07/1995	<u>[Signature]</u>		8		C15QT1	
16	1410080005	Nguyễn Thanh Sang	22/10/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16MT	
17	1310100179	Lai Xuân Sơn	06/07/1994	<u>[Signature]</u>		6		C15QT1	
18	1210090410	Nguyễn Tấn Tài	20/11/1994	<u>[Signature]</u>		7		C14QT4	
19	1310060006	Trần Thanh Tài	19/10/1995	<u>[Signature]</u>		7		C15XD	
20	1410080010	Lê Đức Tâm	01/09/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16MT	
21	1410040003	Nguyễn Nhật Tâm	05/10/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16CK	
22	1410130016	Nguyễn Thị Thanh Tâm	08/11/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16TA	
23	1310040024	Lê Minh Tân	26/01/1995	<u>[Signature]</u>		6		C15CK	
24	1410030005	Nguyễn Thanh Tân	14/11/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16DDT	
25	1410130014	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/06/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16TA	
26	1210090431	Khưu Thị Thanh Thảo	07/06/1993	<u>[Signature]</u>		5		C14QT4	
27	1310060015	Nguyễn Duy Thảo	09/09/1995	<u>[Signature]</u>		7		C15XD	Nợ HP
28	1410130005	Nguyễn Huỳnh Như Thảo	21/05/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16TA	
29	1210090432	Nguyễn Thanh Thảo	10/09/1993	<u>[Signature]</u>		5		C14QT4	
30	1310120002	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	11/03/1995	<u>[Signature]</u>		6		C15TC	
31	1210090435	Nguyễn Thị Thu Thảo	22/06/1993	<u>[Signature]</u>		5		C14QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1210090437	Tân Thị Thu	Thảo	19/12/1993			4	C14QT4	
33	1410030006	Trần Chu	Thắng	02/11/1995			4	C16DDT	
34	1410030011	Nguyễn Kế	Thế	20/08/1996			6	C16DDT	
35	1410130031	Trần Huỳnh	Thi	25/05/1994			6	C16TA	
36	1410010013	Bế Lăng	Thiên	28/06/1996			4	C16TH	
37	1410010012	Lê Thị Ngọc	Thiều	20/12/1996			5	C16TH	
38	1410130028	Châu Nhựt	Thịnh	13/09/1995			5	C16TA	
39	1310060022	Mai Phú	Thịnh	09/06/1995			7	C15XD	
40	1410130026	Mai Thị	Thơ	10/01/1996			9	C16TA	
41	1410010006	Nguyễn Quốc	Thống	20/01/1996				C16TH	Nợ HP
42	1410130051	Trần Quốc	Thuận	09/06/1993				C16TA	
43	1410130039	Đoàn Thị Thu	Thùy	28/06/1996				C16TA	Nợ HP
44	1210010073	Nguyễn Minh	Thúy	05/12/1994				C14TH	
45	1310120034	Nguyễn Đoàn Anh	Thư	08/07/1995			6	C15TC	

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1:

M. Trung

Ký tên:

Giám thị 2:

Bích Thủy

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100204	Đỗ Mộng Huỳnh	05/09/1995			4		C15QT2	
2	1410030004	Nguyễn Minh Hùng	01/12/1996			4		C16DDT	
3	1210090139	Ngô Thành Hưng	28/06/1990			2		C14QT2	
4	1410030012	Phạm Duy Khanh	21/03/1996					C16DDT	
5	1410130004	Trần Thị Hạnh Kiều	31/05/1996			5		C16TA	
6	1310060005	Vũ Hoàng Thanh Lam	28/03/1995			5		C15XD	
7	1410130036	Đoàn Thị Lành	03/01/1996			6		C16TA	
8	1410130045	Trần Phối Liên	26/02/1996					C16TA	Nợ HP
9	1310100008	Nguyễn Ngọc Linh	18/02/1995			9		C15QT1	14248 Nợ HP
10	1410080011	Huỳnh Thị Thanh Loan	11/01/1996			8		C16MT	
11	1410010011	Nguyễn Duy Long	20/02/1994			6		C16TH	
12	1210060043	Nguyễn Đoàn Long	02/10/1994			5		C14XD	14252 Nợ HP
13	1210080020	Huỳnh Văn Thành Lộc	15/01/1994			0		C14MT	
14	1210090218	Trần Quang Lợi	02/04/1994			5		C14QT2	
15	1210100008	Tô Minh Luân	25/12/1992			6		C14CN	
16	1410130047	Lê Hiền Mai	12/04/1995			9		C16TA	
17	1210090234	Chu Xuân Mạnh	11/10/1993			5		C14QT2	Nợ HP
18	1410040014	Nguyễn Anh Minh	06/11/1996			7		C16CK	
19	1410130049	Bùi Thị Kiều My	20/02/1996			6		C16TA	
20	1410040004	Hoàng Phương Nam	20/10/1996					C16CK	Nợ HP
21	1410040006	Hoàng Văn Nam	08/02/1996			5		C16CK	
22	1410130048	Phạm Thị Thu Nga	06/06/1996					C16TA	Nợ HP
23	1410130029	Trần Thị Thanh Nga	21/06/1994			8		C16TA	
24	1410040007	Hồ Hoàng Ngân	17/07/1996			4		C16CK	
25	1410080006	Huỳnh Trọng Nghĩa	15/08/1996			5		C16MT	
26	1410130021	Lê Thị Ngọc	07/08/1995			5		C16TA	
27	1310100193	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	17/03/1995			7		C15QT2	
28	1310100093	Nguyễn Thị Kim Ngọc	15/04/1995			7		C15QT1	
29	1410130008	Phùng Thị Hồng Ngọc	20/08/1996			5		C16TA	
30	1410130006	Trần Mỹ Nhân	11/10/1996					C16TA	
31	1310040005	Trương Minh Nhật	03/10/1993			6		C15CK	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1410130024	Nguyễn Ngọc Nhi	02/09/1996			8		C16TA	Nợ HP
33	1410130010	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	28/11/1996			7		C16TA	
34	1410130007	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10/05/1996			8		C16TA	
35	1210140201	Phạm Trần Yến Nhi	29/12/1994			7		C14TC2	Nợ HP
36	1210130166	Trương Thu Nhi	12/09/1994			5		C14KT2	
37	1410130025	Ngô Thị Hồng Nhiên	06/06/1996					C16TA	Nợ HP
38	1210090302	Đỗ Thị Quỳnh Như	07/03/1994			4		C14QT3	
39	1210010045	Hồ Hồng Huỳnh Như	26/11/1993					C14TH	Nợ HP
40	1210140205	Lê Văn Như	02/04/1992			7		C14TC2	
41	1410080012	Nguyễn Thị Huỳnh Như	27/07/1996					C16MT	Nợ HP
42	1310130036	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/12/1994			8		C15TA2	
43	1310130053	Đặng Hồng Nương	12/06/1992			6		C15TA2	
44	1410130032	Nguyễn Đức Phát	29/10/1995					C16TA	
45	1410040008	Nguyễn Thanh Phong	12/01/1996			7		C16CK	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học
phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Bùi Tuyết Ký tên: mm

Giám thị 2: Kim Liên Ký tên: mm

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410030019	Lê Quốc An	09/09/1996	An	1	6		C16DDT	
2	1410030014	Phạm Văn An	07/10/1995	An	1	5		C16DDT	
3	1210090011	Giáp Nguyễn Duy Anh	28/07/1993	Anh	1	7		C14QT1	
4	1410080008	Lâm Thị Hoàng Anh	15/07/1995	Anh	1	7		C16MT	
5	1410010008	Trần Hoàng Anh	21/08/1996	Anh	1	8		C16TH	
6	1410040010	Vũ Nam Anh	02/05/1996	Anh	1	6		C16CK	
7	1410130037	Phạm Thị Diễm Ánh	13/06/1996	Anh	1	6		C16TA	
8	1410040005	Phạm Văn Bình	13/05/1995	—	—	—	—	C16CK	
9	1310060002	Nguyễn Phú Châu	09/09/1994	—	—	—	—	C15XD	Nợ HP
10	1410130003	Huỳnh Thị Kim Chi	02/08/1996	Chi	1	5		C16TA	
11	1210140017	Lê Hồng Chiến	09/11/1993	—	—	—	—	C14TC1	
12	1410010007	Đặng Văn Cường	16/12/1996	Cuong	—	6		C16TH	
13	1210090051	Nguyễn Mạnh Cường	26/01/1990	Cuong	1	5		C14QT1	Nợ HP
14	1210090052	Nguyễn Tuấn Cường	09/12/1994	Cuong	1	7		C14QT1	
15	1210110012	Nguyễn Hồng Diễm	05/12/1994	Diem	2	9		C14TA1	
16	1410130017	Nguyễn Quang Duận	19/09/1996	—	—	—	—	C16TA	
17	1210090067	Lê Ngọc Dung	02/07/1994	Dung	1	6		C14QT1	
18	1410010009	Nguyễn Hoàng Duy	26/12/1996	—	—	—	—	C16TH	Nợ HP
19	1410030010	Nguyễn Hoàng Duy	02/09/1990	Duy	1	4		C16DDT	
20	1410010014	Nguyễn Hữu Duy	05/10/1994	Duy	1	8		C16TH	
21	1410130027	Đoàn Thị Đào	15/05/1996	Dao	1	5		C16TA	
22	1310120023	Nguyễn Anh Đào	16/11/1995	Dao	1	7		C15TC	
23	1410130022	Vũ Thị Hồng Đào	01/02/1996	Dao	1	8		C16TA	
24	1210140158	Hà Quyền Đại	19/11/1994	Dao	2	8		C14TC2	
25	1410030015	Phan Văn Đạo	23/06/1996	Dao	1	8		C16DDT	
26	1310100186	Lữ Tấn Đạt	21/04/1995	Dao	1	7		C15QT2	
27	1210090323	Lê Tấn Bảo Định	26/11/1994	Dao	1	6		C14QT3	
28	1310060024	Vũ Hải Đường	04/01/1995	Dao	1	7		C15XD	
29	1410030020	Nguyễn Trường Giang	23/02/1996	—	—	—	—	C16DDT	
30	1410130034	Phan Thị Quỳnh Giao	07/9/1996	Giao	1	6		C16TA	
31	1410030008	Nguyễn Phi Hải	06/07/1994	Hai	1	6		C16DDT	Nợ HP

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1310100146	Vũ Ngọc Hải	05/11/1995		1	7		C15QT2	
33	1410010002	Lê Công Hậu	14/07/1996		1	4		C16TH	
34	1210140130	Lê Minh Hậu	06/03/1994		1	7		C14TC2	
35	1410080004	Lê Thị Ngọc Hậu	02/01/1996		1	5		C16MT	
36	1310120012	Trần Ngọc Hiền	18/08/1994		1	5		C15TC	
37	1310100101	Dương Trung Hiếu	29/03/1995		1	6		C15QT2	
38	1410010010	Võ Bùi Quang Hoan	10/09/1995	/	/	/	/	C16TH	Nợ HP
39	1410130052	Nguyễn Tuấn Hoàng	27/12/1994		1	7		C16TA	
40	1410130018	Nguyễn Thị Hồng Hòa	08/01/1996		2	8		C16TA	
41	1310100155	Trần Thị Diệu Hòa	18/06/1995		1	7		C15QT2	
42	1210090137	Nguyễn Thái Học	23/10/1994		1	7		C14QT2	
43	1310120030	Võ Đông Hồ	24/08/1995		1	5		C15TC	
44	1410030001	Trần Quang Huy	05/8/1996		1	5		C16DDT	
45	1410030017	Trần Quốc Huy	30/05/1996	/	/	/	/	C16DDT	Nợ HP

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được biên tập điểm thi.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học
phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700202

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Bích Thủy Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: M. Trung Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410100074	Lâm Thị Thu Anh	19/02/1996					C16QT	Nợ HP
2	1410100072	Lê Thị Kim Anh	10/03/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16QT	
3	1210140003	Lê Thị Việt Anh	14/12/1994	<u>[Signature]</u>		7		C14TC1	
4	1410110025	Nguyễn Lâm Hoàng Anh	14/03/1996	<u>[Signature]</u>		2		C16KT	
5	1310130079	Nguyễn Phúc Vân Anh	05/01/1994	<u>[Signature]</u>		6		C15TA1	
6	1410110047	Nguyễn Thị Ngọc Anh	23/12/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16KT	
7	1310110005	Nguyễn Thị Trang Anh	08/08/1995	<u>[Signature]</u>		4		C15KT	
8	1210130011	Nguyễn Thị Trúc Anh	24/08/1994	<u>[Signature]</u>		7		C14KT1	
9	1310130070	Trần Thị Trâm Anh	20/08/1994	<u>[Signature]</u>		4		C15TA1	
10	1210060007	Lương Thanh Bình	11/02/1994	<u>[Signature]</u>		6		C14XD	
11	1210060013	Hà Văn Công	11/08/1994	<u>[Signature]</u>		2		C14XD	Nợ HP
12	1410100043	Võ Hùng Cường	07/01/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
13	1410110029	Nguyễn Thị Phương Dung	14/02/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16KT	
14	1410100018	Trang Ngọc Dung	18/09/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
15	1410100027	Đỗ Thị Thúy Duy	19/04/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	Nợ HP
16	1410110032	Trần Thị Mỹ Duyên	02/09/1996					C16KT	Nợ HP
17	1410110011	Võ Thị Kim Duyên	25/10/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16KT	
18	1410100030	Mao Phi Dũng	01/07/1995					C16QT	
19	1410110026	Đào Thùy Dương	12/09/1996					C16KT	
20	1410100035	Trần Nguyễn Thùy Dương	30/03/1996					C16QT	
21	1210130144	Võ Trang Đài	02/06/1994	<u>[Signature]</u>		9		C14KT2	
22	1410100073	Lê Thị Cẩm Đào	07/11/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	Nợ HP
23	1410100075	Huỳnh Tấn Đạt	22/02/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
24	1210040025	Phan Thanh Đông	13/10/1994	<u>[Signature]</u>		7		C14CK	
25	1210090328	Đỗ Tài Đức	06/02/1994					C14QT3	Nợ HP
26	1410100040	Mai Huỳnh Đức	02/12/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	
27	1410100033	Nguyễn Trường Giang	12/12/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	
28	1410100088	Trần Thanh Giàu	15/12/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	
29	1210060020	Nguyễn Ngọc Minh Hải	26/06/1994	<u>[Signature]</u>		4		C14XD	
30	1410100008	Huỳnh Ngọc Hảo	21/04/1996	<u>[Signature]</u>		9		C16QT	
31	1310100013	Lê Mỹ Kym Hằng	17/03/1995	<u>[Signature]</u>		5		C15QT2	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1410100068	Nguyễn Thị Kim Hằng	16/02/1996					C16QT	Nợ HP
33	1210090090	Nguyễn Thị Ngọc Hân	07/10/1994					C14QT1	Nợ HP
34	1410110050	Nguyễn Ngọc Phúc Hậu	29/03/1996			4		C16KT	
35	1410110023	Ksor Hiêu	30/11/1995			6		C16KT	
36	1410100046	Nguyễn Ngọc Hiền	12/04/1996			5		C16QT	
37	1410100036	Nguyễn Thị Hiền	20/06/1996			4		C16QT	
38	1410100071	Phạm Ngọc Phương Hiền	08/07/1995					C16QT	Nợ HP
39	1410100061	Trần Thị Hiền	15/01/1996			4		C16QT	
40	1310130047	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	12/09/1995			4		C15TA2	
41	1410100059	Huỳnh Hy Hoan	18/07/1995			4		C16QT	
42	1410100084	Trần Thị Mộng Hoàng	16/11/1995			5		C16QT	
43	1210060028	Phạm Quốc Hòa	09/10/1994			8		C14XD	
44	1410100025	Nguyễn Đình Huy	01/01/1996			4		C16QT	
45	1410100016	Nguyễn Xuân Huy	23/06/1996			4		C16QT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 Trường không công nhận điểm đối với trường hợp SV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học
phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700202

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Kieu QRI Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Kim Lien Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410110041	Lê Thị Bé	Huyền	12/08/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16KT	
2	1410100051	Lê Thị Kim	Huyền	04/06/1995	<u>[Signature]</u>		7		C16QT	
3	1310120015	Trần Thị Ngọc	Huyền	21/12/1994	<u>[Signature]</u>		7		C15TC	
4	1410100078	Nguyễn Việt	Hùng	23/04/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	
5	1410100022	Lê Tấn	Hùng	28/10/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16QT	
6	1410100077	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	09/08/1995	<u>[Signature]</u>		7		C16QT	
7	1410110020	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/03/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16KT	
8	1310130039	Phan Thị Diễm	Hương	17/08/1995	<u>[Signature]</u>		8		C15TA1	
9	1210140105	Trần Minh	Kha	04/11/1994	—	—	—	—	C14TC1	Nợ HP
10	1210060034	Nguyễn Hồng	Khánh	05/01/1994	<u>[Signature]</u>		8		C14XD	
11	1410110024	Nguyễn Thị Kim	Khuy	05/09/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16KT	
12	1210060037	Đoàn Sĩ	Khuyến	10/06/1994	<u>[Signature]</u>		7		C14XD	
13	1210090182	Mai Thị Thanh	Lan	08/05/1994	<u>[Signature]</u>		6		C14QT2	Nợ HP
14	1410100047	Vũ Thị Kim	Lệ	16/12/1995	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
15	1410110036	Đỗ Bảo	Linh	26/07/1995	<u>[Signature]</u>		7		C16KT	
16	1210140124	Hoàng Thùy	Linh	08/04/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14TC1	
17	1410110045	Nguyễn Thị Ánh	Linh	31/05/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16KT	
18	1410100067	Phan Thị Thuý	Linh	13/11/1996	—	—	—	—	C16QT	Nợ HP
19	1410100066	Nguyễn Thị	Lộc	26/12/1993	<u>[Signature]</u>		7		C16QT	
20	1410100041	Nguyễn Thanh	Lợi	09/11/1993	<u>[Signature]</u>		7		C16QT	
21	1410100021	Phạm Văn	Lượng	26/10/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
22	1410100039	Nguyễn Văn	Lực	14/09/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
23	1410100002	Trần Thục	Mẫn	19/12/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
24	1410110044	Lê Hoàng	Minh	26/12/1996	—	—	—	—	C16KT	Nợ HP
25	1210010038	Phạm Văn	Nam	10/10/1992	<u>[Signature]</u>		4		C14TH	
26	1410110009	Nguyễn Thị Thanh	Nga	20/08/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16KT	
27	1210140267	Nguyễn Thị Tố	Nga	06/07/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14TC3	Nợ HP
28	1410100064	Nguyễn Thị Thu	Ngân	26/06/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16QT	
29	1210140172	Văn Tuyết	Ngân	06/07/1994	<u>[Signature]</u>		5		C14TC2	
30	1410100053	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	24/11/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16QT	
31	1210090268	Hoàng Thị Thùy	Ngọc	17/08/1993	<u>[Signature]</u>		8		C14QT3	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1410100086	Lưu Kim Bảo	Ngọc	14/05/1996			6		C16QT
33	1410100032	Mai Thị Bảo	Ngọc	07/03/1996			7		C16QT
34	1410100060	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	09/08/1996					C16QT
35	1410100052	Trần Nhã	Ngọc	23/10/1992			4		C16QT
36	1410110048	Trần Thị ý	Nhi	26/04/1995			6		C16KT
37	1410110007	Trương Thị Liễu	Nhi	02/08/1996			6		C16KT
38	1410110021	Trần Thị	Nhung	19/08/1995			6		C16KT
39	1410100023	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	18/03/1995					C16QT
40	1410100083	Võ Thị Huỳnh	Như	11/07/1996			6		C16QT
41	1410100057	Nguyễn Nhật	Pha	27/02/1996			4		C16QT
42	1410100012	Huỳnh Tấn	Phát	08/2/1996			6		C16QT
43	1210060061	Lâm Tấn	Phát	03/02/1994			6		C14XD
44	1210060062	Trương Tấn	Phát	15/01/1994			5		C14XD
45	1410100031	Mai Thị	Phi	26/12/1996					C16QT

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học
phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700202

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: V. Phương Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Q. Minh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410110005	Nguyễn Thị Yến	Thu	29/11/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16KT	
2	1410110017	Trương Trí Nguyên	Thuận	11/02/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16KT	
3	1410110004	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	11/08/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16KT	
4	1310100069	Trần Thị Thu	Thủy	10/05/1994	<u>[Signature]</u>		5		C15QT2	
5	1410100026	Trần Hoài	Thương	03/08/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
6	1310090014	Đặng Hồng	Thức	19/12/1995	<u>[Signature]</u>		7		C15CN	
7	1410110018	Nguyễn Thụy Thanh	Thy	22/07/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16KT	
8	1410110022	Phan Thị Mai	Tiên	12/12/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16KT	
9	1210090495	Dương Hữu	Tiền	1993	<u>[Signature]</u>		6		C14QT5	
10	1210090490	Dương Đức	Tiền	21/02/1993	<u>[Signature]</u>		7		C14QT5	
11	1410110019	Nguyễn Thị Trương	Toàn	23/09/1996	<u>[Signature]</u>		7		C16KT	
12	1410110040	Lê Thị Thùy	Trang	09/07/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16KT	
13	1210090529	Nguyễn Thị Hà	Trang	20/02/1994	<u>[Signature]</u>		9		C14QT5	Nợ HP
14	1410100082	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/04/1996					C16QT	
15	1410110034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/05/1996	<u>[Signature]</u>		9		C16KT	
16	1410100045	Nguyễn Thu	Trang	29/02/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
17	1410110016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	23/12/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16KT	
18	1410100038	Lê Thị Huỳnh	Trăm	01/09/1996					C16QT	Nợ HP
19	1210090511	Đặng Ngọc	Trâm	19/02/1993	<u>[Signature]</u>		4		C14QT5	
20	1410110030	Lý Ngọc	Trâm	30/12/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16KT	
21	1410110010	Trần Thị Anh	Trâm	25/12/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16KT	
22	1410110015	Đoàn Thị Kiều	Trinh	03/04/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16KT	
23	1410110051	Thái Thị Kiều	Trinh	06/03/1996	<u>[Signature]</u>		8		C16KT	
24	1210090533	Nguyễn Minh	Trí	24/12/1994	<u>[Signature]</u>		4		C14QT5	
25	1210090545	Đoàn Đức	Trung	27/05/1991	<u>[Signature]</u>		4		C14QT5	
26	1210060093	Nguyễn Quang	Trung	26/09/1994	<u>[Signature]</u>		6		C14XD	Nợ HP
27	1410100044	Ngô Thị Thanh	Trúc	23/08/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
28	1410100004	Vũ Minh	Tuân	03/09/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	
29	1110090413	Nguyễn Thanh	Tuấn	17/12/1993	<u>[Signature]</u>		5		C13QT4	
30	1410100042	Trần Quốc	Tuấn	20/04/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
31	1310110103	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	05/12/1995	<u>[Signature]</u>		4		C15KT	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1410110014	Võ Thị Minh Tuyền	27/10/1996	<i>Tuyen</i>		2		C16KT	
33	1310100097	Trần Bảo Tùng	02/12/1995					C15QT1	Nợ HP
34	1310110067	Bùi Thị Cẩm Tú	20/12/1995	<i>Tu</i>		6		C15KT	
35	1410100055	Lê Vi Tường Vân	29/09/1996	<i>Van</i>		8		C16QT	Kí nhậm
36	1310110040	Nguyễn Thị Tinh Vân	12/02/1995	<i>Van</i>				C15KT	
37	1410100056	Lê Vân Tường Vi	29/09/1996	<i>Vi</i>		7		C16QT	
38	1410110037	Nguyễn Thị Mỹ Vi	26/06/1996	<i>Vi</i>		6		C16KT	
39	1210090584	Nguyễn Hoàng Vũ	26/09/1994	<i>Vu</i>		7		C14QT5	
40	1410110008	Nguyễn Thành Vũ	30/07/1996	<i>Thuan</i>		9		C16KT	
41	1410100034	Phan Anh Vũ	07/11/1996	<i>Anh</i>		8		C16QT	
42	1210090587	Lê Vy	03/04/1993	<i>Vy</i>		4		C14QT5	
43	1410100001	Nguyễn Hoàng Vy	09/10/1996	<i>Vy</i>		7		C16QT	
44	1410110031	Nguyễn Ngọc Xuân	06/11/1996	<i>Xuan</i>		3		C16KT	
45	1410100090	Nguyễn Thị Kim Xuyến	20/01/1995	<i>Xuyen</i>		6		C16QT	

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 2) - 1107002

Mã lớp học phần: 110700202

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Cao Trí

Ngày thi: 15/05/2015

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Ngọc Thu Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Minh Hiếu Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410110027	Hồ Thị Như Phương	20/08/1995	<u>[Signature]</u>		8		C16KT	
2	1410110057	Lê Thị Hồng Phương	17/05/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16KT	
3	1410100014	Lê Thị Thu Phương	29/08/1996	<u>[Signature]</u>		9		C16QT	
4	1410100070	Nguyễn Minh Quân	27/10/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
5	1210090381	Nguyễn Thanh Sang	10/08/1993	<u>[Signature]</u>		4		C14QT4	
6	1410100058	Quản Ngọc Sang	15/01/1995	<u>[Signature]</u> ✓		4		C16QT	Nợ HP
7	1410110001	Ngô Bình Sanh	02/09/1994	<u>[Signature]</u>		4		C16KT	
8	1410110054	Nguyễn Ngọc Ánh Sen	19/05/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16KT	
9	1210090389	Dương Xuân Sơn	28/07/1994	<u>[Signature]</u>		4		C14QT4	
10	1410100049	Kiều Ngọc Sơn	21/12/1996	<u>[Signature]</u>		3		C16QT	
11	1210060076	Lê Tấn Tài	26/07/1993	<u>[Signature]</u>		1		C14XD	
12	1410100024	Trần Bảo Tài	27/02/1996	<u>[Signature]</u>		1		C16QT	
13	1410100029	Hoàng Thị Thanh Tâm	05/11/1996	<u>[Signature]</u> ✓				C16QT	Nợ HP
14	1410100015	Trần Hoàng Thao	20/04/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
15	1410100011	Đàm Thế Thành	11/11/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	
16	1210090425	Phan Trần Hữu Thành	30/08/1994	<u>[Signature]</u>		4		C14QT4	Nợ HP
17	1410110058	Hồ Lê Phương Thảo	02/03/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16KT	
18	1410100087	Nguyễn Thị Mai Thảo	30/03/1995	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
19	1410100091	Trần Phan Như Thảo	26/01/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16QT	
20	1410110046	Đinh Thị Mai Thi	12/12/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16KT	
21	1410110039	Hồ Thị Thi	11/05/1996	<u>[Signature]</u>		6		C16KT	
22	1310100147	Mai Thị Kim Thi	10/06/1995	<u>[Signature]</u>		8		C15QT2	
23	1410110033	Nguyễn Thị Hồng Thi	16/08/1996	<u>[Signature]</u> ✓				C16KT	
24	1310100231	Nguyễn Thị Minh Thi	24/09/1995	<u>[Signature]</u>		3		C15QT2	
25	1410100017	Trần Lộc Thọ	05/05/1996	<u>[Signature]</u>		4		C16QT	
26	1410100048	Nghiêm Thị Thom	04/05/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	
27	1410100005	Nguyễn Trung Thời	24/11/1996	<u>[Signature]</u>		5		C16QT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 03 . Số bài thi/Số tờ: 24 / 26 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %